

缆车	lǎnchē	cable car
喘气	chuǎn qì	breathe, pant
动	dòng	move
到底	dào dǐ	to the end, to the finish
胜利	shènglì	victory
加油	jiā yóu	come on
接着	jiēzhe	after that, carry on, following
危险	wēixiǎn	dangerous, danger
演	yǎn	play, act, perform
联欢会	liánhuānhuì	get-together
积极	jījí	active
相声	xiàngsheng	cross talk, comic dialogue
台词	táicí	actor's lines
背	bèi	recite, learn by heart
话剧	huàjù	modern drama, stage play
排练	páiliàn	rehearse
纠正	jiūzhèng	correct
自信	zìxìn	be confident of oneself
相信	xiāngxìn	believe
只要……就……	zhǐyào……jiù……	as long as...(will...)
世上	shìshàng	in the world, on earth
无	wú	have not
怕	pà	fear
心	xīn	heart
争取	zhēngqǔ	strive for, try hard
成功	chénggōng	succeed, successful
恐怕	kǒngpà	probably, maybe, be afraid
礼堂	lǐtáng	assembly hall
赶	gǎn	catch up with
锁	suǒ	lock

修	xiū	repair, mend
---	-----	--------------